

Số: 601/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện, không thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là danh mục **35** thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, **58** thủ tục hành chính không thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh (kèm theo phụ lục danh mục thủ tục hành chính, được gửi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh (IDESK), đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập sử dụng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, Thủ trưởng các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC-VPCP (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, KSTT. 05

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ
BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 601/QĐ-UBND
ngày 02/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

| Số TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | Phương thức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC |
|----------|---|--|
| I | Lĩnh vực đất đai | |
| 1 | Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp | Qua Dịch vụ bưu chính công ích |
| 2 | Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở | |
| 3 | Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng | |
| 4 | Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm | |
| 5 | Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | |
| 6 | Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân | |
| 7 | Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền | |

| | |
|----|---|
| | với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận |
| 8 | Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất |
| 9 | Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề |
| 10 | Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế |
| 11 | Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất |
| 12 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu |
| 13 | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất |
| 14 | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất |
| 15 | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận |
| 16 | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở; đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở |
| 17 | Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai |
| 18 | Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký |
| 19 | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp |



| | |
|--|---|
| 20 | Xoá đăng ký thể chấp |
| 21 | Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thể chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký |
| 22 | Hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thể chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở |
| II. Lĩnh vực khí tượng thủy văn | |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn |
| 2 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn |
| 3 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn |
| III. Lĩnh vực khoáng sản | |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản |
| 2 | Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản |
| 3 | Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản |
| 4 | Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản |
| IV. Lĩnh vực Biển đảo | |
| 1 | Thủ tục gia hạn quyết định giao khu vực biển |
| 2 | Thủ tục trả lại khu vực biển |
| V. Lĩnh vực môi trường | |
| 1 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>) |
| 2 | Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản |
| 3 | Thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại |
| 4 | Thủ tục cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại |



PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ
BỮU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 601/QĐ-UBND

ngày 02 / 4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

| Số TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | Phương thức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC |
|----------|---|--|
| I | Lĩnh vực đất đai | |
| 1 | Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 2 | Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao | |
| 3 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao | Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả |
| 4 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao | |
| 5 | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.. | |

A

| | |
|----|---|
| 6 | Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/huyện) |
| 7 | Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |
| 8 | Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |
| 9 | Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu |
| 10 | Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu |
| 11 | Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý |
| 12 | Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định |
| 13 | Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu |
| 14 | Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất |
| 15 | Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |
| 16 | Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân |
| 17 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất |
| 18 | Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp |
| 19 | Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu |

| | | |
|------------|--|--|
| | tài sản gắn liền với đất phát hiện | |
| 20 | Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | |
| 21 | Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất | |
| II | Lĩnh vực tài nguyên nước | |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất | |
| 2 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất | |
| 3 | Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất | |
| 4 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất | |
| 5 | Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển | Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả |
| 6 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển | |
| 7 | Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước | |
| 8 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước | |
| 9 | Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước | |
| 10 | Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước | |
| 11 | Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (<i>cập nhật theo Danh mục TTHC chuẩn hóa nội dung ban hành kèm theo Quyết định 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016</i>) | |
| 12 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (<i>cập nhật theo Danh mục TTHC chuẩn hóa nội dung ban hành kèm theo Quyết định 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016</i>) | |
| 13 | Thủ tục cấp giấy lại phép hành nghề khoan nước dưới đất | |
| 14 | Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (<i>bổ sung mới theo Danh mục TTHC chuẩn hóa nội dung ban hành kèm theo Quyết định 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016</i>) | |
| III | Lĩnh vực tài nguyên khoáng sản | |
| 1 | Thủ tục gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản | |

6

| | | |
|-----------|--|--|
| 2 | Thủ tục trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản | Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả |
| 3 | Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản | |
| 4 | Thủ tục thăm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản | |
| 5 | Thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản | |
| 6 | Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản | |
| 7 | Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản | |
| 8 | Thủ tục cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | |
| 9 | Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | |
| IV | Lĩnh vực môi trường | |
| 1 | Thủ tục thăm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết | |
| 2 | Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản | |
| 3 | Thủ tục thăm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường | |
| 4 | Thủ tục cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án | |
| 5 | Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường | |
| 6 | Thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất | |
| 7 | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (<i>trường hợp Giấy xác nhận hết hạn</i>) | |
| 8 | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (<i>trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng</i>) | |
| 9 | Thủ tục thăm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác</i> | |

7

| | | |
|----------|---|--|
| | <i>động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)</i> | |
| 10 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản <i>(trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)</i> | |
| 11 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản <i>(trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)</i> | |
| V | Lĩnh vực biển và đảo | |
| 1 | Thủ tục giao khu vực biển | Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả |
| 2 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển | |
| 3 | Thủ tục thu hồi khu vực biển | |